



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

TOÁN LỚP **5**

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

KHÚC THÀNH CHÍNH

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

TOÁN LỚP **5**

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Sách không bán



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KHÚC THÀNH CHÍNH

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

TOÁN

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

5



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	3
1. Khái quát về chương trình môn học	3
2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Toán 5	9
2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn	9
2.2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học	10
2.3. Cấu trúc bài học và sự phát triển hai nhánh Kiến thức, kĩ năng – Phẩm chất, năng lực	12
2.4. Một số trang sách giáo khoa minh hoạ	13
2.5. Khung kế hoạch dạy học gợi ý của nhóm tác giả	17
3. Phương pháp dạy học / tổ chức hoạt động	20
3.1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học	20
3.2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học / hoạt động	21
3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài / hoạt động điển hình	24
4. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	27
4.1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	27
4.2. Đề kiểm tra minh hoạ	30
5. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục ...	32
5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	32
5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo	33
5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học	34
Phần thứ hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	40
1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy	40
2. Bài soạn minh hoạ	43

Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Chương trình môn Toán quán triệt các quy định cơ bản được nêu trong chương trình tổng thể; kế thừa và phát huy ưu điểm của chương trình hiện hành và các chương trình trước đó; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng chương trình môn học của các nước tiên tiến trên thế giới, tiếp cận những thành tựu của khoa học giáo dục, có tính đến điều kiện kinh tế và xã hội Việt Nam.

1.1. Chương trình môn Toán bậc Tiểu học bao gồm hai nhánh, một nhánh đề cập tới sự phát triển các mạch nội dung kiến thức cốt lõi; một nhánh mô tả sự phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh (HS).

Hai nhánh liên kết chặt chẽ, phát triển song song theo định hướng tích hợp nhằm đào tạo một lớp người năng động, sáng tạo phù hợp giai đoạn Cách mạng Công nghiệp 4.0.

1.2. Nội dung môn Toán bậc Tiểu học được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức:

Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm được xuyên suốt trong quá trình học tập.

– Hình học và Đo lường chung trong một mạch kiến thức tạo thuận lợi cho việc tích hợp khi tiếp cận các nội dung bao gồm cả hình học và đo lường.

– Giải toán không được xem là một mạch kiến thức. Giải toán là một bộ phận của giải quyết vấn đề.

– Một số yếu tố Xác suất là nội dung mới so với các chương trình trước đây.

– Thực hành và trải nghiệm tạo cơ hội để HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng giải quyết các vấn đề đơn giản của cuộc sống, góp phần chuyển từ giáo dục truyền thụ kiến thức sang giáo dục phát triển toàn diện.

1.3. Các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với cấp học được quy định tại chương trình tổng thể: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1.4. Các năng lực đặc thù

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho HS năng lực toán học bao gồm các thành phần cốt lõi: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Năng lực tư duy và lập luận toán học

– Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.

- Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.
- Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.

Năng lực mô hình hoá toán học

- Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản.
- Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên.
- Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.

Năng lực giải quyết vấn đề toán học

- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.
- Nêu được cách thức giải quyết vấn đề.
- Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.
- Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.

Năng lực giao tiếp toán học

- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết.
- Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.
- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
- Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, com-pa, ê-ke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc, ...).
- Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.
- Làm quen với máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập.
- Bước đầu nhận biết một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.

1.5. Nội dung và các yêu cầu cần đạt về môn Toán ở lớp 5

a) Số và phép tính

Số tự nhiên

Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên

Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng:

- Đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự được các số tự nhiên.
- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên. Vận dụng được tính chất của phép tính với số tự nhiên để tính nhẩm và tính hợp lí.
- Ước lượng và làm tròn được số trong những trường hợp tính toán đơn giản.
- Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến bốn bước tính liên quan đến các phép tính về số tự nhiên, liên quan đến quan hệ phụ thuộc trực tiếp và đơn giản.

Phân số

Ôn tập về phân số và các phép tính với phân số

Củng cố và hoàn thiện các kĩ năng:

- Rút gọn được phân số.
- Quy đồng, so sánh, xếp thứ tự được các phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.
- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại và nhân, chia phân số.
- Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai phân số bằng cách lấy mẫu số chung là tích của hai mẫu số.
- Nhận biết được phân số thập phân và cách viết phân số thập phân ở dạng hỗn số.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính về phân số.

Số thập phân

Số thập phân

- Đọc, viết được số thập phân.
- Nhận biết được số thập phân gồm phần nguyên, phần thập phân và hàng của số thập phân.
- Thể hiện được các số đo đại lượng bằng cách dùng số thập phân.

So sánh các số thập phân

- Nhận biết được cách so sánh hai số thập phân.
- Thực hiện được việc sắp xếp các số thập phân theo thứ tự trong một nhóm có không quá 4 số thập phân.

Làm tròn số thập phân

– Làm tròn được một số thập phân tới số tự nhiên gần nhất hoặc tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân.

Các phép tính với số thập phân

– Thực hiện được phép cộng, phép trừ hai số thập phân.

– Thực hiện được phép nhân một số với số thập phân có không quá hai chữ số ở dạng: a,b và $0,ab$.

– Thực hiện được phép chia một số cho số thập phân có không quá hai chữ số khác không ở dạng: a,b và $0,ab$.

– Vận dụng được tính chất của các phép tính với số thập phân và quan hệ giữa các phép tính đó trong thực hành tính toán.

– Thực hiện được phép nhân, chia nhẩm một số thập phân với 10; 100; 1 000; ... hoặc với 0,1; 0,01; 0,001; ...

– Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có một hoặc một vài bước tính) liên quan đến các phép tính với các số thập phân.

Tỉ số. Tỉ số phần trăm

Tỉ số. Tỉ số phần trăm

– Nhận biết được tỉ số, tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại.

– Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán liên quan đến: tìm hai số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của hai số đó; tính tỉ số phần trăm của hai số; tìm giá trị phần trăm của một số cho trước.

– Nhận biết được tỉ lệ bản đồ. Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn.

Sử dụng máy tính cầm tay

– Làm quen với việc sử dụng máy tính cầm tay để thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; tính tỉ số phần trăm của hai số; tính giá trị phần trăm của một số cho trước.

b) Hình học và đo lường

Hình học trực quan

Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản

– Nhận biết được hình thang, đường tròn, một số loại hình tam giác như tam giác nhọn, tam giác vuông, tam giác tù, tam giác đều.

– Nhận biết được hình khai triển của hình lập phương, hình hộp chữ nhật và hình trụ.

Thực hành vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học

- Vẽ được hình thang, hình bình hành, hình thoi (sử dụng lưới ô vuông).
- Vẽ được đường cao của hình tam giác.
- Vẽ được đường tròn có tâm và độ dài bán kính hoặc đường kính cho trước.
- Giải quyết được một số vấn đề về đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học, liên quan đến ứng dụng của hình học trong thực tiễn, liên quan đến nội dung các môn học như Mĩ thuật, Công nghệ, Tin học.

Đo lường

Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng

- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích: km^2 (ki-lô-mét vuông), ha (héc-ta).
- Nhận biết được “thể tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể.
- Nhận biết được một số đơn vị đo thể tích thông dụng: cm^3 (xăng-ti-mét khối), dm^3 (đề-xi-mét khối), m^3 (mét khối).
- Nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều; tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), m/s (m/giây).

Thực hành đo đại lượng

- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm, xem thời gian, mua bán với các đơn vị đo đại lượng và tiền tệ đã học.

Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng

- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo thể tích (cm^3 , dm^3 , m^3) và số đo thời gian.
- Tính được diện tích hình tam giác, hình thang.
- Tính được chu vi và diện tích hình tròn.
- Tính được diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
- Thực hiện được việc ước lượng thể tích trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: thể tích của hộp phấn viết bảng, ...).
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo thể tích, dung tích, thời gian.
- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán liên quan đến chuyển động đều (tìm vận tốc, quãng đường, thời gian của một chuyển động đều).

c) Một số yếu tố thống kê và xác suất

Một số yếu tố thống kê

Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu

- Thực hiện được việc thu thập, phân loại, so sánh, sắp xếp số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.

Đọc, mô tả biểu đồ thống kê hình quạt tròn. Biểu diễn số liệu bằng biểu đồ thống kê hình quạt tròn

- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ hình quạt tròn.
- Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (không yêu cầu học sinh vẽ hình).
- Lựa chọn được cách biểu diễn (bằng dãy số liệu, bằng số liệu hoặc bằng biểu đồ) các số liệu thống kê.

Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê hình quạt tròn đã có

- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ hình quạt tròn.
- Làm quen với việc phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên việc quan sát các số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn.
- Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ hình quạt tròn.
- Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với các kiến thức khác trong môn toán và trong thực tiễn (ví dụ: số thập phân, tỉ số phần trăm, ...).

Một số yếu tố xác suất

Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản (ví dụ: sử dụng tỉ số $\frac{2}{5}$ để mô tả 2 lần xảy ra khả năng “mặt sấp đồng xu xuất hiện” khi tung đồng xu 5 lần).

d) Hoạt động thực hành và trải nghiệm

Nhà trường tổ chức cho HS một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy thuộc vào điều kiện cụ thể.

Hoạt động 1: Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các chủ đề liên môn, chẳng hạn:

- Thực hành tổng hợp các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng như: tính toán và ước lượng thể tích của một số hình khối trong thực tiễn liên quan đến các hình đã học; tính toán và ước lượng về vận tốc, quãng đường, thời gian trong chuyển động đều.
- Thực hành thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê (thông qua một số tình huống đơn giản gắn với những vấn đề phát triển kinh tế – xã hội hoặc có tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, giáo dục tài chính, chủ quyền biên giới, biển đảo, giáo dục STEM, ...)
- Thực hành mua bán, trao đổi, chi tiêu hợp lý; thực hành tính tiền lãi, lỗ trong mua bán; tính lãi suất trong gửi tiết kiệm và vay vốn.

Hoạt động 2: Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá (ví dụ trò chơi “Bảy miếng nghìn hình (tangram)” hoặc các hoạt động “Học – Vui; Vui – Học”; trò chơi liên quan

đến mua bán, trao đổi hàng hoá; lắp ghép, gấp, xếp hình; tung đồng tiền xu hay xúc xắc, ...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức toán hoặc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tế.

Hoạt động 3 (nếu nhà trường có điều kiện thực hiện): Tổ chức giao lưu với HS có năng khiếu Toán trong trường và trường bạn.

1.6. Thời lượng thực hiện chương trình

– Lớp 5: 175 tiết (5 tiết/1 tuần; Học kì 1: 18 tuần; Học kì 2: 17 tuần).

– Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục.

Số và Phép tính: khoảng 50%;

Thống kê và Xác suất: khoảng 5%;

Hình học và Đo lường: khoảng 40%;

Thực hành và Trải nghiệm: khoảng 5%.

1.7. Phương pháp dạy học

– Phù hợp với tiến trình nhận thức của HS.

– Lấy hoạt động học tập làm trung tâm.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống.

– Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học.

1.8. Đánh giá kết quả giáo dục

– Kết hợp nhiều hình thức đánh giá, nhiều phương pháp đánh giá.

– Đánh giá năng lực HS.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 5

2.1. Quan điểm tiếp cận, biên soạn

a) Bộ sách tiếp cận người học theo “cách học sinh học toán”

– Phù hợp với quá trình nhận thức: Trực quan sinh động – Tư duy trừu tượng – Thực tiễn.

– Phù hợp với đặc điểm tâm lí của HS Tiểu học:

- Hình thức thể hiện: màu sắc, hình ảnh gắn gũi với HS, các tình huống được chuyển tải khéo léo bằng hình ảnh dễ dàng lôi cuốn HS vào hoạt động học tập.
- HS Tiểu học tiếp nhận kiến thức theo cách “mưa dầm thấm đất”, bộ sách giáo khoa (SGK) chủ trương giới thiệu các nội dung toán theo cách thức “lát nền”, nghĩa là các kiến thức, kĩ năng bộ phận thường được giới thiệu sớm (trước khi chính thức giới thiệu nội dung chính) nhằm mục đích:

+ Tạo điều kiện để các kiến thức, kĩ năng được lặp lại nhiều lần.

+ Tạo nhiều cơ hội để HS làm quen và thực hành, hình thành các ý tưởng. Khi chính thức học nội dung đó, các ý tưởng sẽ được kết nối một cách hoàn chỉnh. Lúc này bài học mang tính hệ thống và hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng đã học.

b) Quán triệt tinh thần “toán học cho mọi người”

Mỗi bài học ưu tiên để HS tiếp cận, tìm tòi, khám phá, không áp đặt khiên cưỡng. SGK cung cấp các giải pháp khác nhau, HS có thể lựa chọn giải pháp phù hợp với sở thích, năng lực để thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Chú trọng việc trả lời câu hỏi “Học toán để làm gì?”

Các hoạt động trong bài học tập trung vào việc hiểu được tại sao làm như vậy, không chỉ dừng lại ở việc tính toán. Học toán để giải quyết các vấn đề đơn giản của thực tế cuộc sống. Học toán để biết yêu thương, chia sẻ.

2.2. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học

a) Cấu trúc SGK Toán 5

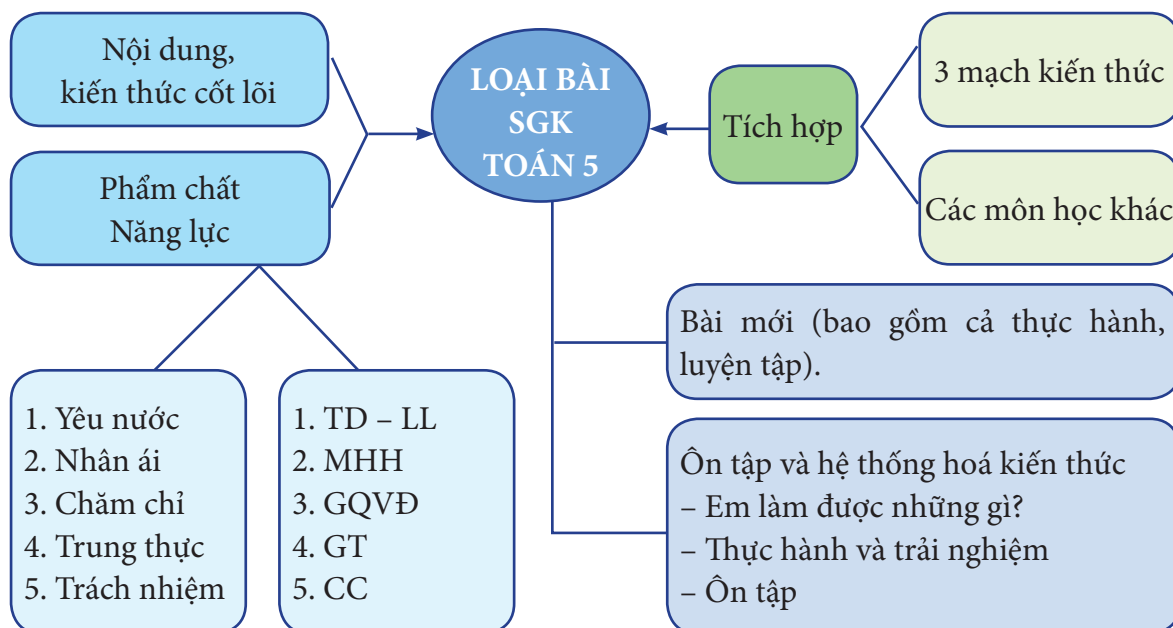
Toán 5 gồm hai tập (2 học kì):

Tập một (120 trang) gồm bốn chương (chủ đề) tiến hành trong 18 tuần;

Tập hai (120 trang) gồm bốn chương (chủ đề) tiến hành trong 17 tuần.

Mỗi tập sách gồm *Hướng dẫn sử dụng sách*, *Lời nói đầu*, *Mục lục* và các *Bài học*. Cuối sách có *Bản đồ Việt Nam*; *Bảng thuật ngữ*; *Nguồn tri thức*.

b) Các loại bài trong SGK Toán 5



TD - LL: Tư duy và lập luận toán học

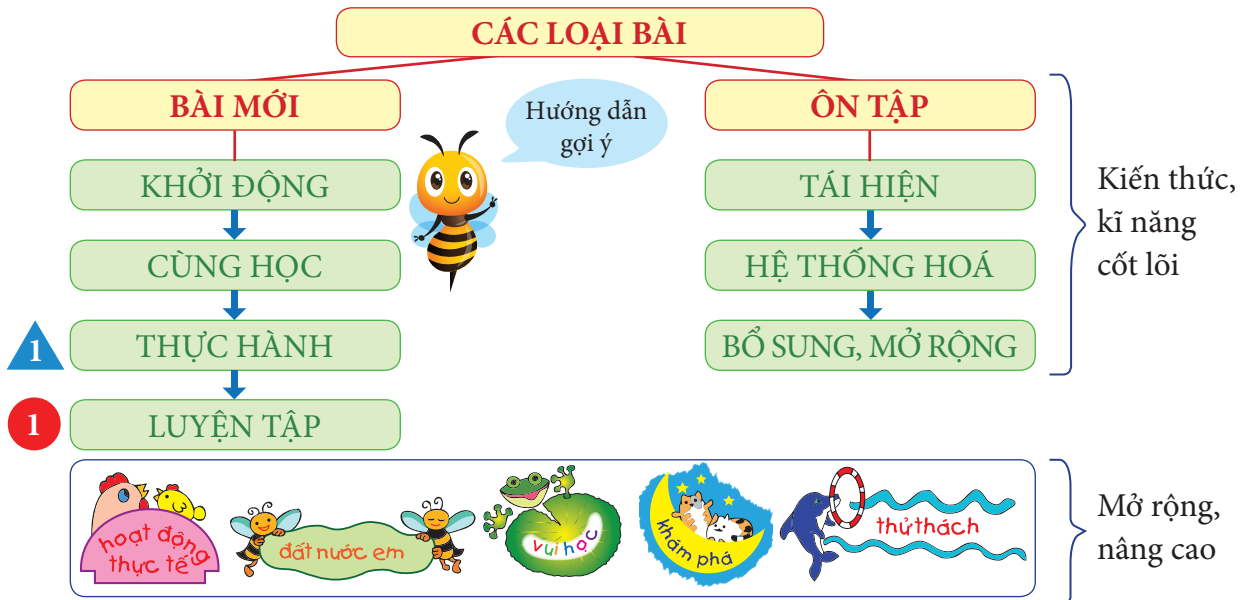
MHH: Mô hình hoá toán học

GQVĐ: Giải quyết vấn đề toán học

GT: Giao tiếp toán học

CC: Sử dụng công cụ, phương tiện học toán

c) Cấu trúc bài học



– Mỗi bài học có thể thực hiện trong 1, 2 hay nhiều tiết tạo điều kiện cho GV chủ động, linh hoạt sắp xếp thời gian phù hợp với HS của lớp mình.

– Mỗi bài học thường gồm các phần:

• **Khởi động**

Giới thiệu tình huống thực tế hay một vấn đề được đặt ra dẫn tới nội dung bài học.

• **Cùng học**

Cùng học được mặc định trên nền màu hoặc có tranh vẽ chuyển tải nội dung.

HS cùng nhau tìm phương án giải quyết dưới sự hướng dẫn, gợi ý của GV. Qua đó HS khám phá và hình thành kiến thức mới.

• **Thực hành** được kí hiệu bởi hình tam giác màu xanh.

Thông qua các hoạt động, vẫn cùng với sự hỗ trợ của GV, giúp HS hiểu rõ hơn về bài mới cũng như hiểu thêm những liên hệ với kiến thức cũ.

• **Luyện tập** được kí hiệu bởi hình tròn màu đỏ, giúp HS rèn luyện các kiến thức, kỹ năng đã học và vận dụng để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

Ngoài ra còn các phần *Vui học*, *Thử thách*, *Khám phá*, *Đất nước em*, *Hoạt động thực tế* có các biểu tượng kèm theo. Nội dung ở các phần này thường mang tính vận dụng nâng cao.

Vui học: hướng dẫn sử dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện các hoạt động vui chơi đơn giản nhằm tạo niềm vui và kích thích học tập.

Thử thách: các hoạt động thử thách trí thông minh, giúp HS rèn luyện tư duy, phát triển năng lực toán học.

Khám phá: tổ chức các hoạt động gợi mở những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học nhằm tạo hứng khởi và kích thích niềm say mê học toán.

Đất nước em: tích hợp nội dung giáo dục của địa phương, giới thiệu cho HS tìm hiểu về một số địa danh và những giá trị lịch sử – văn hoá, bước đầu giúp các em biết quan tâm và yêu mến quê hương đất nước.

Hoạt động thực tế: tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của HS ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.

Thỉnh thoảng, trong SGK, HS sẽ gặp **bạn ong vui vẻ** nêu hướng dẫn, gợi ý hoặc làm mẫu trong một số tình huống cụ thể.

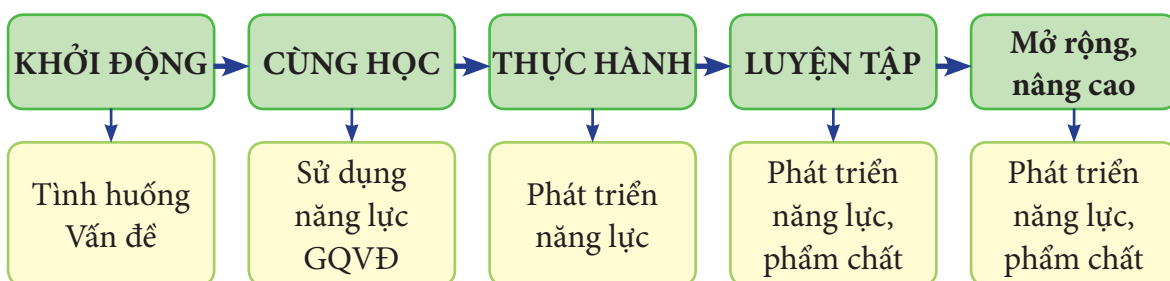
– Cấu trúc của bài học phù hợp với Thông tư 2345/BGDĐT-GDTH về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học. Cấu trúc này thuận lợi cho GV tiến hành bài học, phù hợp với việc sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến.

2.3. Cấu trúc bài học và sự phát triển hai nhánh Kiến thức, kĩ năng – Phẩm chất, năng lực

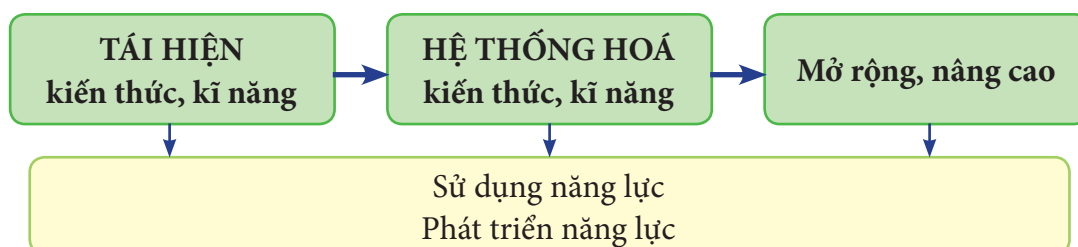
– Mỗi đơn vị kiến thức đều được hình thành qua việc sử dụng các phẩm chất và năng lực đặc thù, ngược lại quá trình vận dụng kiến thức, kĩ năng đòi hỏi khả năng tổng hợp các phẩm chất và năng lực.

Như vậy, hai nhánh Kiến thức – Kĩ năng và Phẩm chất – Năng lực được phát triển song song, hỗ trợ lẫn nhau trong tiến trình của bài học theo định hướng tích hợp.

Dạng Bài mới



Dạng bài Ôn tập và hệ thống hoá kiến thức



2.4. Một số trang sách giáo khoa minh họa

Cấu trúc bài mới

Bài 20 SỐ THẬP PHÂN BẰNG NHAU

KHỞI ĐỘNG

Theo dự định, mỗi ngày chiếc máy này trải được 1,850 km bê tông nhựa.

Ngày	Chiều dài quãng đường đã làm
Thứ Hai	1,85 km

Ngày thứ Hai, chiếc máy này có hoàn thành được công việc theo dự định không?

CÙNG HỌC

Ví dụ 1: So sánh 1,85 và 1,850.

Ta có: $1,85 = \frac{185}{100}$, $1,850 = \frac{1850}{1000}$.

Do $\frac{185}{100} = \frac{1850}{1000}$ nên $1,85 = 1,850$.

Nếu viết thêm (hoặc bỏ bớt) chữ số 0 ở tận cùng bên phải phần thập phân của một số thập phân thì được một số thập phân bằng số đó.

Ví dụ 2: $0,4 = 0,40 = 0,400$ $6 = 6,0 = 6,00$
 $27,00 = 27,0 = 27$ $3,200 = 3,20 = 3,2$

THỰC HÀNH

1

2

1 Viết các số thập phân dưới dạng gọn hơn.
Mẫu: $30,70600 = 30,706$

a) 5,400 b) 21,070 c) 0,08000 d) 100,0010

2 Thêm hoặc bớt các chữ số 0 thích hợp để phần thập phân của mỗi cặp số sau có số chữ số bằng nhau.

a) 3,16 và 2,4 b) 42,5 và 0,955 c) 73 và 6,72 d) 0,100 và 2,40

LUYỆN TẬP

1

2

1 Tìm các cặp số thập phân bằng nhau.

0,15

0,015

0,1050

0,105

0,1500

0,0150

2 Trong các số đo dưới đây, các số đo nào bằng nhau?
20,7 kg; 2,070 kg; 20,700 kg; 20,70 kg.

Cấu trúc Bài Luyện tập chung (Ôn tập)

Bài 30 EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

Ôn tập
kiến thức,
kĩ năng

1 Chọn kết quả thích hợp với mỗi tổng.

A $2\,000 + 700 + 20 + 3$

S 2,723

B $200 + 70 + 2 + 0,3$

T 27,23

C $20 + 7 + 0,2 + 0,03$

U 272,3

D $2 + 0,7 + 0,02 + 0,003$

V 2723

2 Đặt tính rồi tính.

a) $782,6 + 51,34$

b) $9,084 - 3,65$

c) $7 - 0,17$

3 Tính bằng cách thuận tiện.

a) $95,4 + 0,16 + 4,6$

b) $3,82 + 1,88 + 2,18 + 2,12$

4 Chọn ba trong năm số 1,7; 2,3; 2,7; 4,3; 6 để khi thay vào $?.?$ thì ta được các phép tính đúng.

$?.? + ?.? = ?.?$

$?.? - ?.? = ?.?$

5 Số?

a) $4,65 + ?.? = 6,37$

b) $?.? - 54,8 = 2,1$

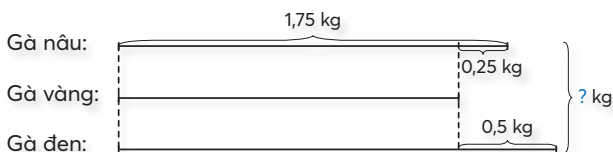
c) $17,2 - ?.? = 9,4$

6 Tìm số thứ bảy trong mỗi dãy số sau.

a) 0,25; 0,5; 0,75; 1; 1,25; ...

b) 0,1; 0,2; 0,4; 0,7; 1,1; ...

7 Giải bài toán theo tóm tắt dưới đây.



Hệ thống hoá

Mở rộng:
Ý nghĩa
phép cộng,
trừ với số
thập phân.

Cấu trúc Bài Thực hành và Trải nghiệm (Ôn tập)

Bài 42 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

PHÂN CHIA HẠT GIỐNG

1. Nhiệm vụ

Phân chia 1 kg hạt lúa thành hai phần để gieo mạ trên hai mảnh đất. Biết diện tích mảnh đất thứ hai gấp rưỡi diện tích mảnh đất thứ nhất và diện tích đất gieo mạ gấp lên bao nhiêu lần thì khối lượng lúa cần dùng cũng gấp lên bấy nhiêu lần.

2. Chuẩn bị

Học sinh trong lớp được chia theo các nhóm, mỗi nhóm cần chuẩn bị:

- 1 kg hạt lúa khô.
- Dụng cụ để đựng lúa sau khi chia.

Các nhóm dùng chung một cân đồng hồ.



3. Thực hiện

- Hoạt động nhóm.

Mỗi nhóm thảo luận: Nhận biết việc cần làm, nêu được cách thức giải quyết, thực hiện theo cách thức đã đề ra rồi thử lại.

- Hoạt động tập thể lớp.

Một nhóm trình bày các việc đã tiến hành của nhóm.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Giáo viên hệ thống, đánh giá công việc của mỗi nhóm.

Dùng
kiến thức,
kỹ năng
đã học để
thực hành,
GQVĐ
thực tiễn.



Cấu trúc Bài Ôn tập Học kì

Bài 92 ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

1 Dựa vào hình ảnh dưới đây, thực hiện các yêu cầu.

Mỗi túi cam nặng 2 kg.



Lớp mình cần 7 túi.

Mua 7 túi thì được bao nhiêu ki-lô-gam cam?

- Viết tổng các số hạng bằng nhau để tìm khối lượng cam của 7 túi.
- Viết phép nhân để tìm khối lượng cam của 7 túi.
- Số?



?. kg cam được lấy ? lần.

$$2 \times 7 = 14$$

$$14 : 7 = 2$$

$$14 : 2 = 7$$

Phép chia hết



?. kg cam đựng đều vào ? túi, mỗi túi được ? kg.

?. kg đựng vào các túi, mỗi túi ? kg thì được ? túi.



- Nêu tên các thành phần của mỗi phép tính ở câu c.
- Nêu cách tìm thành phần chưa biết trong mỗi phép tính sau.

$$1.5 \times ? = 10.5$$

$$? : 7 = 1.5$$

$$10.5 : ? = 7$$

2

- Số?
Chia đều 78 quyển vở cho 35 bạn, mỗi bạn được ? quyển, còn dư ? quyển.

- Nêu tên các thành phần của phép chia có dư sau.

$$78 : 35 = 2 \text{ (dư 8)}$$

Chú ý: Trong phép chia có dư, số dư phải bé hơn số chia.

Ôn tập

Hệ thống hoá

Ôn tập
Hệ thống hoá

2.5. Khung kế hoạch dạy học gợi ý của nhóm tác giả

TẬP MỘT – HỌC KÌ 1 (18 tuần – 90 tiết)

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG (30 tiết)

Bài 1. Ôn tập số tự nhiên và các phép tính	(2 tiết)
Bài 2. Ôn tập phân số	(1 tiết)
Bài 3. Ôn tập và bổ sung các phép tính với phân số	(2 tiết)
Bài 4. Phân số thập phân	(2 tiết)
Bài 5. Tỉ số	(2 tiết)
Bài 6. Tỉ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện	(2 tiết)
Bài 7. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 8. Ôn tập và bổ sung bài toán liên quan đến rút về đơn vị	(2 tiết)
Bài 9. Bài toán giải bằng bốn bước tính	(2 tiết)
Bài 10. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó	(2 tiết)
Bài 11. Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó	(2 tiết)
Bài 12. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 13. Héc-ta	(1 tiết)
Bài 14. Ki-lô-mét vuông	(1 tiết)
Bài 15. Tỉ lệ bản đồ	(2 tiết)
Bài 16. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 17. Thực hành và trải nghiệm	(1 tiết)

2. SỐ THẬP PHÂN (37 tiết)

Bài 18. Số thập phân	(2 tiết)
Bài 19. Hàng của số thập phân. Đọc, viết số thập phân	(2 tiết)
Bài 20. Số thập phân bằng nhau	(1 tiết)
Bài 21. So sánh hai số thập phân	(2 tiết)
Bài 22. Làm tròn số thập phân	(2 tiết)
Bài 23. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 24. Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân	(1 tiết)
Bài 25. Viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân	(1 tiết)
Bài 26. Viết các số đo diện tích dưới dạng số thập phân	(1 tiết)
Bài 27. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Kiểm tra giữa học kì 1	(1 tiết)
Bài 28. Cộng hai số thập phân	(2 tiết)

Bài 29. Trừ hai số thập phân	(2 tiết)
Bài 30. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 31. Nhân một số thập phân với một số tự nhiên	(1 tiết)
Bài 32. Nhân hai số thập phân	(2 tiết)
Bài 33. Nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000; Nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001;	(1 tiết)
Bài 34. Em làm được những gì?	(1 tiết)
Bài 35. Chia một số thập phân cho một số tự nhiên	(1 tiết)
Bài 36. Chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên mà thương là một số thập phân	(1 tiết)
Bài 37. Chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... Chia một số thập phân cho 0,1; 0,01; 0,001;	(1 tiết)
Bài 38. Em làm được những gì?	(1 tiết)
Bài 39. Chia một số tự nhiên cho một số thập phân	(1 tiết)
Bài 40. Chia một số thập phân cho một số thập phân	(1 tiết)
Bài 41. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 42. Thực hành và trải nghiệm	(1 tiết)

3. HÌNH TAM GIÁC, HÌNH THANG, HÌNH TRÒN (14 tiết)

Bài 43. Hình tam giác	(1 tiết)
Bài 44. Diện tích hình tam giác	(2 tiết)
Bài 45. Hình thang	(1 tiết)
Bài 46. Diện tích hình thang	(2 tiết)
Bài 47. Đường tròn, hình tròn	(1 tiết)
Bài 48. Chu vi hình tròn	(2 tiết)
Bài 49. Diện tích hình tròn	(2 tiết)
Bài 50. Em làm được những gì?	(1 tiết)
Bài 51. Thực hành và trải nghiệm	(2 tiết)

4. ÔN TẬP HỌC KÌ 1 (9 tiết)

Bài 52. Ôn tập số thập phân	(1 tiết)
Bài 53. Ôn tập các phép tính với số thập phân	(3 tiết)
Bài 54. Ôn tập hình học và đo lường	(3 tiết)
Bài 55. Ôn tập một số yếu tố thống kê và xác suất	(1 tiết)
Kiểm tra học kì 1	(1 tiết)

TẬP HAI – HỌC KÌ 2 (17 tuần – 85 tiết)

5. TỈ SỐ PHẦN TRĂM (12 tiết)

Bài 56. Tỉ số phần trăm	(1 tiết)
Bài 57. Tính tỉ số phần trăm của hai số	(2 tiết)
Bài 58. Tìm giá trị phần trăm của một số	(2 tiết)
Bài 59. Em làm được những gì?	(1 tiết)
Bài 60. Sử dụng máy tính cầm tay	(2 tiết)
Bài 61. Viết các số liệu dưới dạng tỉ số phần trăm	(1 tiết)
Bài 62. Biểu đồ hình quạt tròn	(2 tiết)
Bài 63. Em làm được những gì?	(1 tiết)

6. HÌNH HỘP CHỮ NHẬT. HÌNH LẬP PHƯƠNG. HÌNH TRỤ (20 tiết)

Bài 64. Hình hộp chữ nhật, hình lập phương	(2 tiết)
Bài 65. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật	(2 tiết)
Bài 66. Diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình lập phương	(1 tiết)
Bài 67. Hình trụ	(1 tiết)
Bài 68. Em làm được những gì?	(1 tiết)
Bài 69. Thể tích của một hình	(2 tiết)
Bài 70. Xăng-ti-mét khối	(1 tiết)
Bài 71. Đề-xi-mét khối	(2 tiết)
Bài 72. Mét khối	(1 tiết)
Bài 73. Thể tích hình hộp chữ nhật	(2 tiết)
Bài 74. Thể tích hình lập phương	(1 tiết)
Bài 75. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Bài 76. Thực hành và trải nghiệm	(2 tiết)

7. SỐ ĐO THỜI GIAN. VẬN TỐC, QUẢNG ĐƯỜNG, THỜI GIAN (19 tiết)

Bài 77. Các đơn vị đo thời gian	(2 tiết)
Bài 78. Cộng số đo thời gian	(2 tiết)
Bài 79. Trừ số đo thời gian	(1 tiết)
Bài 80. Nhân số đo thời gian	(1 tiết)
Bài 81. Chia số đo thời gian	(2 tiết)
Bài 82. Em làm được những gì?	(2 tiết)
Kiểm tra giữa học kì 2	(1 tiết)

Bài 83. Vận tốc	(2 tiết)
Bài 84. Quảng đường	(2 tiết)
Bài 85. Thời gian	(2 tiết)
Bài 86. Em làm được những gì?	(2 tiết)

8. ÔN TẬP CUỐI NĂM (34 tiết)

Bài 87. Ôn tập số tự nhiên	(2 tiết)
Bài 88. Ôn tập phân số	(2 tiết)
Bài 89. Ôn tập số thập phân	(2 tiết)
Bài 90. Ôn tập phép cộng, phép trừ	(2 tiết)
Bài 91. Ôn tập phép cộng, phép trừ (tiếp theo)	(1 tiết)
Bài 92. Ôn tập phép nhân, phép chia	(3 tiết)
Bài 93. Ôn tập phép nhân, phép chia (tiếp theo)	(3 tiết)
Bài 94. Ôn tập hình phẳng và hình khối	(2 tiết)
Bài 95. Ôn tập độ dài, khối lượng, dung tích, nhiệt độ, tiền Việt Nam	(2 tiết)
Bài 96. Ôn tập chu vi, diện tích, thể tích	(2 tiết)
Bài 97. Ôn tập chu vi, diện tích, thể tích (tiếp theo)	(3 tiết)
Bài 98. Ôn tập số đo thời gian, vận tốc, quãng đường, thời gian	(2 tiết)
Bài 99. Ôn tập số đo thời gian, vận tốc, quãng đường, thời gian (tiếp theo)	(2 tiết)
Bài 100. Ôn tập một số yếu tố xác suất	(1 tiết)
Bài 101. Ôn tập một số yếu tố thống kê	(2 tiết)
Bài 102. Thực hành và trải nghiệm	(2 tiết)
Kiểm tra cuối năm	(1 tiết)

Phân phối thời lượng theo các mạch nội dung

Số và phép tính	87 tiết – khoảng 50%
Hình học và đo lường	71 tiết – khoảng 40%
Thống kê và xác suất	9 tiết – khoảng 5%
Thực hành và trải nghiệm	8 tiết – khoảng 5%

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC / TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

3.1. Định hướng, yêu cầu cơ bản chung về đổi mới phương pháp dạy học

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp HS rèn luyện tính trung thực; tình yêu lao động;

tinh thần trách nhiệm; lòng nhân ái; bước đầu biết quan tâm, chia sẻ. Quá trình học tập giúp các em bồi dưỡng sự tự tin; hứng thú học tập; thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

b) Phương pháp dạy học môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác

– Môn Toán với ưu thế nổi trội, có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tính toán: vừa cung cấp kiến thức toán học, rèn luyện kỹ năng tính toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học và năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán).

– Môn Toán góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

– Môn Toán góp phần phát triển năng lực tin học thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông, tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm.

– Môn Toán góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ thông qua việc giúp HS làm quen với lịch sử toán học, với tiểu sử của các nhà toán học và thông qua việc nhận biết vẻ đẹp của toán học trong thế giới tự nhiên.

3.2. Hướng dẫn, gợi ý phương pháp, cách thức tổ chức dạy học / hoạt động

a) Các lý thuyết học tập giúp người học thành công hiện nay

Lý thuyết kiến tạo (Jean Piaget, 1896 – 1980)

Quan điểm: trẻ em không phải là tờ giấy trắng mà là những người sáng tạo trong việc học của chính các em.

Sản phẩm: lược đồ nhận thức (mạng tích hợp).

Nguyên lý cơ bản: con người cấu trúc kiến thức của mình dựa trên kiến thức trước đây của họ.

Lý thuyết văn hoá xã hội (Lev Vygotsky, 1896 – 1934).

Nguyên lý

– Các quá trình tương tác về tinh thần tồn tại giữa những người trong cùng một môi trường học tập. Từ môi trường này, người học chuyển ý tưởng vào lĩnh vực tâm lý của chính mình.

– ZPD (Zone of proximal development)

Phạm vi kiến thức có thể nằm ngoài tầm đối với một người học, nhưng người đó có thể thực hiện được nếu có sự hỗ trợ của bạn học hoặc của người hiểu biết hơn.

Cơ chế: Hiệu ứng điều chỉnh

- Niềm tin, thái độ và mục tiêu cá nhân đồng thời ảnh hưởng và bị ảnh hưởng.
- Công cụ điều chỉnh: ngôn ngữ – sơ đồ – hình ảnh – hành động.

Việc học phụ thuộc vào người học, các tương tác xã hội trong và ngoài lớp học.

Ý nghĩa của các lí thuyết đối với việc học toán

Lí thuyết học tập không là một chiến lược dạy học.

Lí thuyết học tập cung cấp thông tin cần thiết cho việc dạy học. Cả hai lí thuyết trên đều có điểm chung: “Thảo luận trong lớp học dựa trên ý tưởng và giải pháp riêng của từng HS đối với các vấn đề là nền tảng cho việc học của trẻ em”.

Áp dụng các lí thuyết toán học trên, GV sẽ đề ra các **chiến lược dạy học** hữu ích.

- Xây dựng kiến thức mới từ kiến thức cũ.
- Cung cấp cơ hội để HS nói về toán học.
- Xây dựng cơ hội cho tư tưởng phản biện (đánh giá).
- Khuyến khích nhiều phương pháp tiếp cận.
- Coi sai lầm là cơ hội cho việc học.
- Xây dựng giàn giáo (cấu trúc) các kiến thức mới.
- Quý trọng sự khác biệt.

b) Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề (GQVĐ) là chìa khoá thành công để thực hiện các chiến lược dạy học.

GQVĐ là một công cụ dạy học hiệu quả vì:

- + GQVĐ là lí do chính để học Toán.
- + GQVĐ là một bộ phận trong cả ba mạch kiến thức (Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Một số yếu tố Thống kê và Xác suất) không nên được dạy như một phần tách biệt.

* Ba cách thức để tích hợp kĩ năng GQVĐ trong dạy và học toán:

- **Dạy Phương pháp GQVĐ** (Quy trình giải bài)

(Quy trình 4 bước để GQVĐ của George Polya (1887 – 1985))

Bước 1: Tìm hiểu vấn đề

Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.

Bước 2: Lập kế hoạch

Nêu được cách thức GQVĐ.

Bước 3: Tiến hành kế hoạch

Thực hiện và trình bày được cách thức GQVĐ ở mức độ đơn giản.

Bước 4: **Kiểm tra lại**

Xác tín xem câu trả lời ở Bước 3 có thực sự GQVĐ như được hiểu ở Bước 1.

Ưu điểm của khuôn mẫu Polya: Tổng quát, có thể áp dụng cho nhiều loại vấn đề khác nhau, từ bài tập tính toán đơn giản đến các bài toán có lời văn phức tạp, không chỉ dừng lại ở việc làm bài tập mà còn dùng để hình thành kiến thức, kĩ năng mới.

– **Dạy các kiến thức, kĩ năng để GQVĐ** (đa số SGK truyền thống được viết theo cách này):

Dạy các kiến thức, kĩ năng cần thiết, áp dụng vào GQVĐ (GQVĐ là mục đích của việc học các kiến thức, kĩ năng).

– **Dạy học thông qua GQVĐ** (GQVĐ là lí do để học kiến thức, kĩ năng – chủ đề chung của bộ SGK Toán) (có thể tham khảo ở hướng dẫn soạn bài trong phần thứ hai).

* **VẤN ĐỀ LÀ GÌ?**

Vấn đề là bất cứ bài tập hay hoạt động nào mà HS không được dạy trước các phương pháp hay công thức giải.

* Việc thay đổi vai trò của vấn đề:

– **Dạy học truyền thống:** Phổ biến dùng cách 2 (Dạy các kiến thức kĩ năng để GQVĐ)

- Cách thức này dựa trên giả thuyết: Mọi HS đều có kiến thức Toán cơ bản để hiểu các giải thích của GV.
- GV thường chỉ trình bày một phương pháp:
Chưa chắc dễ tiếp cận nhất đối với HS.
HS nghĩ rằng chỉ có một phương pháp giải.
- Đặt HS vào thế bị động.
- HS không thấy mối liên hệ của bài tập với các kiến thức kĩ năng cũ, do đó không tự mình giải quyết được các vấn đề mới.
- HS quen với các quy tắc giải, được hướng dẫn kĩ từng bước nên không cố gắng tự GQVĐ mới.

– **Giá trị của dạy học thông qua GQVĐ**

Thay đổi quan điểm và triết lí: Trước đây, GV làm trung tâm thì nay HS làm trung tâm.

- Tập trung sự chú ý của HS vào các “kết nối”, đào sâu được sự hiểu biết của HS.
- Phát triển niềm tin của HS vào khả năng làm toán của bản thân.
- Giúp HS tiếp cận Toán học tốt hơn qua việc cung cấp một bối cảnh có nền tảng là những kinh nghiệm quen thuộc đối với HS.

- Tạo được sự đa dạng cùng lợi ích của nó: Mỗi HS có thể hiểu vấn đề theo cách tiếp cận riêng của mình, có thể mở rộng và phát triển sự hiểu biết khi nghe và rút kinh nghiệm từ những HS khác.
- GV đánh giá thường xuyên: GV định hướng việc dạy học, giúp HS thành công, cập nhật thông tin cho phụ huynh.
- Cho phép mở rộng, nâng cao đáp ứng nhu cầu các trình độ HS khác nhau.
- Kỉ luật lớp tốt hơn, đa số HS muốn được thử thách và được GQVĐ theo cách của các em.
- Phát triển năng lực toán học: Khi GQVĐ, HS phải dùng cả 5 năng lực.
- Tạo hứng khởi cho cả HS và GV.

3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học một số dạng bài / hoạt động điển hình

Các bài học trong bộ SGK môn Toán có thể quy về các dạng sau:

Bài mới (bao gồm cả Thực hành và Luyện tập).

Ôn tập và hệ thống hoá kiến thức (bao gồm các bài *Em làm được những gì?*, *Thực hành và trải nghiệm*, *Ôn tập*).

Mỗi dạng bài có cách tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

a) Hướng dẫn dạy học dạng **BÀI MỚI**

⊗ **Giúp HS tái hiện các kiến thức đã học (các ý tưởng hiện có) sẽ được sử dụng để học bài mới (xây dựng ý tưởng mới)**

Bất kì ý tưởng hiện có nào được sử dụng trong việc xây dựng nhất thiết phải được kết nối với ý tưởng mới vì đó là những ý tưởng giúp ý tưởng mới có nghĩa.

Ví dụ: Bài CỘNG HAI SỐ THẬP PHÂN (SGK Toán 5, chương 2, bài 28)

– Các kiến thức cần tái hiện:

- Ý nghĩa của phép cộng.
- Viết số thập phân dưới dạng phân số thập phân và ngược lại.
- Cộng hai phân số có cùng mẫu số.

– Hình thức thể hiện: trò chơi nhỏ, câu đố, câu hỏi, ...

– Thời điểm: có thể đầu giờ học (khởi động) hay tại thời điểm thích hợp trong tiết học.

⊗ **Giúp HS tìm tòi, phát hiện, suy luận để giải quyết vấn đề của bài học**

Ví dụ: Vẫn ở bài CỘNG HAI SỐ THẬP PHÂN

Có thể thực hiện bằng cách giao việc cho các nhóm GQVĐ.

– Bước 1: **Tìm hiểu vấn đề**

Nhận biết vấn đề cần giải quyết: Tìm kết quả của phép cộng $32,65 + 61,94$.

– Bước 2: **Lập kế hoạch**

Nêu được cách thức GQVĐ: Chuyển về phép cộng các loại số đã học, chẳng hạn: phân số.

– Bước 3: **Tiến hành kế hoạch**

HS thực hiện theo cách thức ở Bước 2.

Trình bày trước lớp.

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } 32,65 &= \frac{3265}{100} & 61,94 &= \frac{6194}{100} \\ 32,65 + 61,94 &= \frac{3265}{100} + \frac{6194}{100} = \frac{9459}{100} = 94,59 \end{aligned}$$

Vậy: $32,65 + 61,94 = 94,59$

✿ **Giúp HS làm chủ kiến thức qua thực hành, luyện tập**

Giúp HS nhận ra kiến thức mới học trong các dạng bài tập khác nhau.

– *Thực hành* để cập đến các nhiệm vụ dựa trên các vấn đề khác nhau, có thể xuất hiện ở các thời điểm khác nhau trong tiết học. Thực hành cung cấp cho HS nhiều cơ hội phong phú để tạo ra những ý tưởng mới thông qua các nhiệm vụ dựa trên vấn đề.

– *Luyện tập* để cập tới các bài tập lặp đi lặp lại, được thiết kế để cải thiện kỹ năng đã học, ôn lại các kiến thức để tránh bị lãng quên.

Tuy nhiên, một số bài được đánh dấu luyện tập nhưng mang dáng dấp của thực hành.

– Với mỗi bài tập, GV nên dành thời gian thích đáng để đảm bảo HS hiểu những yêu cầu của bài. Nếu HS không nhận ra kiến thức đã học trong các dạng bài tập khác nhau thì GV nên giúp HS dựa vào hình ảnh trong bài hoặc giải thích các từ vướng mắc, hướng dẫn để HS nhớ lại, không nên vội làm thay HS.

– Giúp HS tự thực hành, luyện tập theo khả năng của HS.

- HS làm các bài tập theo thứ tự trong SGK.
- Không nên bắt HS chờ đợi nhau trong quá trình làm bài. HS nào đã làm xong 1 bài thì tự kiểm tra hoặc GV kiểm tra rồi tiếp tục làm bài tiếp theo.
- Các bài tập trong các mục *Vui học*, *Khám phá*, *Thử thách* thường mang tính mở rộng, nâng cao. Với các bài này, khuyến khích HS tìm tòi khám phá, không yêu cầu đại trà.
- Tạo ra sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng HS.
- Với một số bài, GV nên chủ động giao việc cho các nhóm để HS có cơ hội làm quen với GQVĐ.
- GV nên hướng dẫn tỉ mỉ các bước tiến hành (tham khảo sách giáo viên (SGV)).
- Khuyến khích HS tự kiểm tra kết quả sau mỗi bài.

- Kiểm tra xem có thực hiện đúng theo yêu cầu của bài.
 - Kiểm tra các số liệu có đúng như đề bài.
 - Kiểm tra cách làm.
 - Kiểm tra kết quả.
- Tập cho HS thói quen không thoả mãn với bài làm của mình, với cách giải đã có.
- Sau mỗi tiết học, GV nên khen ngợi, động viên, tạo cho HS niềm vui vì đã hoàn thành công việc được giao, niềm tin vào sự tiến bộ của bản thân.
 - Khuyến khích HS tham khảo các cách giải khác, nhìn nhận được những cái hay trong mỗi cách giải.

Các “bài tập mở” trong SGK Toán 5 là phương tiện để GV động viên HS tìm nhiều phương án giải quyết một vấn đề và biết tự lựa chọn phương án hợp lí. GV không nên áp đặt HS phải theo phương án chủ quan của GV.

b) Hướng dẫn dạy học dạng bài ÔN TẬP VÀ HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC

Trong SGK Toán 5, các bài ôn tập và hệ thống hoá kiến thức bao gồm: *Em làm được những gì?* (mang tính chất của bài luyện tập chung), *Ôn tập*, *Thực hành và trải nghiệm* (ôn tập và thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn).

Khi dạy những loại bài này, cần lưu ý chuyển tải đầy đủ các nội dung:

Ôn tập để tái hiện lại các kiến thức, kĩ năng đã học.

Hệ thống hoá: Quan hệ giữa các kiến thức, kĩ năng.

Nếu có điều kiện, mở rộng, bổ sung các kiến thức, kĩ năng cần thiết.

Tuy nhiên, do đặc thù tâm lí lứa tuổi, thực chất việc ôn tập đối với HS Tiểu học diễn ra thường xuyên, ngay ở các bài tập thực hành, luyện tập thuộc hệ thống các bài hình thành kiến thức mới.

Một số điều cần lưu ý:

- HS làm các bài tập theo thứ tự trong SGK.
- Không nên bắt HS chờ đợi nhau trong quá trình làm bài. HS nào đã làm xong 1 bài thì tự kiểm tra hoặc GV kiểm tra rồi tiếp tục làm bài tiếp theo.
- Các bài tập trong các mục *Vui học*, *Khám phá*, *Thử thách* thường mang tính mở rộng, nâng cao. Với các bài này, khuyến khích HS tìm tòi khám phá, không yêu cầu đại trà.
- Tạo ra sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng HS.
- Với một số bài, GV nên chủ động giao việc cho các nhóm để HS có cơ hội làm quen với QVĐ.
- GV nên hướng dẫn tỉ mỉ các bước tiến hành (tham khảo SGK).
- Khuyến khích HS tự kiểm tra kết quả sau mỗi bài.
- Kiểm tra xem có thực hiện đúng theo yêu cầu của bài.

- Kiểm tra các số liệu có đúng như đề bài.
- Kiểm tra cách làm.
- Kiểm tra kết quả.
- Tập cho HS thói quen không thoả mãn với bài làm của mình, với cách giải đã có.
- Sau mỗi tiết học, GV nên khen ngợi, động viên, tạo cho HS niềm vui vì đã hoàn thành công việc được giao, niềm tin vào sự tiến bộ của bản thân.
- Khuyến khích HS tham khảo các cách giải khác, nhìn nhận được những cái hay trong mỗi cách giải.

Bộ sách này rất coi trọng tính ứng dụng của môn Toán, gắn kết Toán học với thực tiễn cuộc sống. Điều này được thể hiện trong từng trang sách, đặc biệt ở các bài **Thực hành và trải nghiệm**:

- Các bài loại này thường được xây dựng trên một tình huống giả định, mô phỏng tình huống thực của cuộc sống.
- Khi tiến hành, GV có thể linh hoạt tổ chức học tập dưới dạng trò chơi, phân vai, phân việc để HS trải nghiệm.
- Luôn khuyến khích HS tự tìm tòi, phát hiện các ứng dụng của Toán học trong thực tiễn cuộc sống.

Các “bài tập mở” trong SGK Toán 5 là phương tiện để GV động viên HS tìm nhiều phương án giải quyết một vấn đề và biết tự lựa chọn phương án hợp lí. GV không nên áp đặt HS phải theo phương án chủ quan của GV.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

4.1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Mục tiêu kiểm tra đánh giá môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HS trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì); nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án / sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn, ...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá năng lực HS thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HS.

Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập, ... và đòi hỏi HS phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu HS nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi HS vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát HS trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của HS (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu HS nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu HS nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HS đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

a) Các hình thức đánh giá

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc đánh giá HS căn cứ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm *Quy định đánh giá HS tiểu học* có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2020, thực hiện theo lộ trình 5 năm, áp dụng đối với lớp 5 từ năm học 2024 – 2025.

Theo Quy định đánh giá HS tiểu học, môn Toán cũng thực hiện đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

– **Đánh giá thường xuyên** là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS, để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HS theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

– **Đánh giá định kì** là đánh giá kết quả giáo dục HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của HS theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của HS. Môn Toán 5 thực hiện đánh giá định kì vào cuối học kì 1 và cuối học kì 2.

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá HS tiểu học đối với môn Toán:

– **Phương pháp quan sát:** GV theo dõi, lắng nghe HS trong quá trình giảng dạy trên lớp, có thể sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS, bao gồm:

+ **Quan sát quá trình:** GV cần chú ý đến những hành vi của HS như: sự tương tác giữa các HS trong nhóm với nhau (tranh luận, chia sẻ các suy nghĩ, biểu lộ cảm xúc, ...), hào hứng, giơ tay phát biểu trong giờ học hay ngồi im thụ động, ...

+ **Quan sát sản phẩm:** HS phải tạo ra sản phẩm học tập và GV sẽ quan sát, cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Một số quan sát được tiến hành có chủ định và định trước, như trong trường hợp GV đánh giá HS khi các em trình bày một nội dung trước lớp (trình bày ý tưởng, trình bày cách giải quyết vấn đề, ...). GV theo dõi và lắng nghe nội dung và biểu cảm của HS, luôn chú ý đến sự tự tin của các em, ... Những quan sát như thế đã được định sẵn nên GV có thời gian để chuẩn bị cho HS và xác định trước từng hành vi cụ thể nào sẽ được quan sát.

– **Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS:** GV đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS, từ đó đánh giá HS theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

– **Phương pháp vấn đáp:** GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi – đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

Tùy theo thời điểm sử dụng phương pháp vấn đáp trong quá trình dạy học, cũng như tùy theo mục đích, nội dung của bài học, GV có thể đặt câu hỏi vấn đáp gợi mở, vấn đáp củng cố, vấn đáp tổng kết hay vấn đáp kiểm tra.

– **Phương pháp kiểm tra viết:** GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức độ đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, GV cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, ví dụ: *Con đã đọc kĩ bài và viết đúng các chữ số đề bài cho; Con cần lưu ý “có nhớ” khi làm tính; ...* tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chưa cố gắng!, Sai rồi!, Cần chú ý học!, ...*

b) Kiểm tra, đánh giá định kì

Quy trình xây dựng đề kiểm tra định kì

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (Đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của HS? Vào thời điểm nào? Đối tượng HS nào? ...).

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá, ma trận đề kiểm tra (dựa vào mục đích đánh giá, yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng; nội dung trọng tâm cốt lõi; ... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá).

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi / bài tập (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các chủ đề nội dung cụ thể của Bước 2).

Bước 4: Dự kiến các phương án trả lời (đáp án) các câu hỏi / bài tập ở Bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi / bài tập (căn cứ vào số lượng câu hỏi / bài tập, các mức độ và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống HS sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số).

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (rà soát lại các câu hỏi / bài tập, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở Bước 1, Bước 2. Nếu có điều kiện, đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi / bài tập hoặc xác định được các mục đích đánh giá định kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi / bài tập tương tự trong suốt quá trình dạy).

4.2. Đề kiểm tra minh họa

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2

(1 tiết)

1. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1. Tỉ số phần trăm của 36 và 75 là:

A. 0,48%

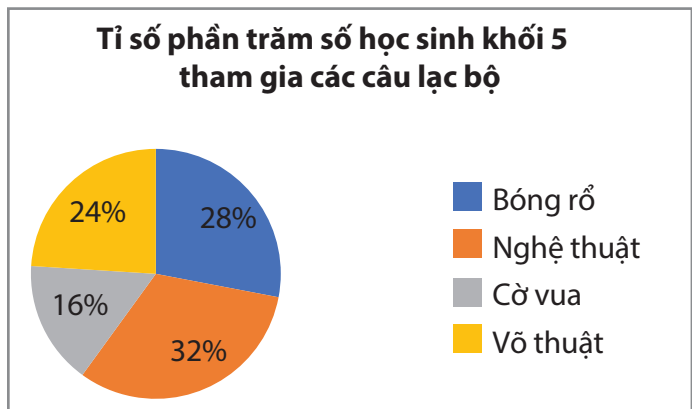
B. 4,8%

C. 48%

D. 480%

Câu 2. Biểu đồ bên cho biết tỉ số phần trăm số học sinh khối 5 tham gia các câu lạc bộ. Biết khối 5 có 175 học sinh. Số học sinh tham gia câu lạc bộ võ thuật là:

- A. 24 học sinh
- B. 28 học sinh
- C. 42 học sinh
- D. 56 học sinh



Câu 3. Một chiếc hộp rỗng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 5 cm, chiều rộng 4 cm, chiều cao 3 cm. Cần bao nhiêu hình lập phương cạnh 1 cm để xếp kín chiếc hộp đó? (Biết bề dày vỏ hộp không đáng kể.)

- A. 20 hình
- B. 27 hình
- C. 54 hình
- D. 60 hình

2. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

a) Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh 7 cm là 196 cm^2 . ☐

b) Thể tích hình hộp chữ nhật có chiều dài 5 dm, chiều rộng 2 dm, chiều cao 3 dm là 30 dm^3 . ☐

3. Một cửa hàng pizza có chương trình khuyến mãi giảm giá 15% tất cả các loại bánh pizza. Nhân dịp sinh nhật An, mẹ mua một cái bánh pizza hải sản và một cái bánh pizza thập cẩm. Giá chưa giảm của hai loại bánh pizza hải sản và pizza thập cẩm lần lượt là 239 000 đồng và 219 000 đồng. Hỏi mẹ được giảm giá tất cả bao nhiêu tiền và mẹ phải trả bao nhiêu tiền khi mua 2 cái bánh pizza trên?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Số?

Mỗi khay làm đá có 25 ô, mỗi ô có thể tích 6 cm^3 . Dùng 1,5 l nước để đổ đầy nước vào các ô. Đổ đầy được khay đá.

5. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

5.1. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

a) Kết cấu sách giáo viên

SGV gồm hai thành phần chính:

PHẦN MỘT: Giới thiệu chung về môn Toán ở lớp 5

I. Mục tiêu chương trình môn Toán lớp 5

II. Yêu cầu cần đạt: Cụ thể hoá các yêu cầu từ chương trình giáo dục phổ thông môn Toán.

III. Giới thiệu SGK Toán 5

IV. Một số điều cần lưu ý về phương pháp dạy học và tổ chức hoạt động

V. Gợi ý hướng dẫn tổ chức dạy học một số dạng bài

VI. Thiết bị dạy học

VII. Đánh giá kết quả giáo dục

PHẦN HAI: Hướng dẫn dạy học các bài trong Toán 5

Phần hai gồm các hướng dẫn dạy học cụ thể cho các bài trong Toán 5.

Bố cục của mỗi bài như sau:

Tên bài

(Số tiết dự tính)

A. Yêu cầu cần đạt

- Kiến thức, kĩ năng.
- Vận dụng thực tế.
- Phẩm chất, năng lực.

B. Đồ dùng dạy học

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Thường gồm các hoạt động:

Khởi động – Bài học và thực hành – Luyện tập – Củng cố – Hoạt động thực tế.

b) Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

– SGK là tài liệu tham khảo mang tính chất định hướng và gợi ý cho GV trong quá trình dạy học, GV không nhất thiết phải theo các gợi ý này.

– Mỗi tiết Toán thường phát triển đầy đủ các năng lực đặc thù, tuy nhiên mức độ đối với từng năng lực có khác nhau. Tùy bài học, ta nên chú trọng những năng lực có điều kiện phát huy ở bài học đó.

– GV nên lưu ý các động từ thể hiện mức độ được sử dụng trong phần mục tiêu bài học và trong các hoạt động được đề nghị đối với HS.

– Nhiều gợi ý trong các hoạt động chỉ mang tính chỉ báo về mặt nội dung cần đạt được, GV nên chủ động lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức học tập để đạt hiệu quả.

– Số tiết đối với mỗi bài chỉ là dự kiến, tùy tình hình cụ thể của lớp học, GV có thể điều chỉnh cho phù hợp.

– Dựa vào SGK, người dạy nên sáng tạo, lựa chọn các giải pháp phù hợp với HS, điều kiện vật chất cũng như văn hoá vùng miền để hoạt động dạy học thực sự mang lại kết quả tốt đẹp.

5.2. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

Sách bổ trợ:

Vở bài tập Toán 5 (tập một, tập hai)

– In 2 màu.

– Các bài tập cụ thể, cấu trúc các bài theo trình tự SGK tạo điều kiện thuận lợi cho GV khi sử dụng.

– Bổ trợ cho SGK trong buổi học chính thức:

+ Vở bài tập giúp HS tương tác: nói, viết, vẽ tô màu, ...

+ Tạo điều kiện để HS thao tác giúp phát triển năng lực đặc thù của môn Toán.

+ Một số đề kiểm tra tham khảo giúp cho việc đánh giá quá trình dạy và học.

– Dùng cho buổi học thứ hai:

+ Củng cố rèn luyện các kiến thức kĩ năng học ở buổi thứ nhất.

+ Một số bài toán mang tính chất mở rộng nâng cao định hướng tốt cho việc phát triển phẩm chất năng lực và tích hợp.

– Phụ huynh học sinh có thể tham khảo sử dụng giúp con em trong việc phát triển năng lực phẩm chất liên quan đến môn học.

Sách tham khảo:

Vở thực hành Toán 5 (tập một, tập hai)

– In 2 màu.

– Các bài tập được viết theo phân bài của SGK Toán 5 (Chân trời sáng tạo).

– HS có thể dùng sách ngay trong buổi học thứ nhất, giúp các em tương tác và luyện tập trên lớp học, qua đó việc tiếp thu kiến thức mới trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn.

– Nhiều bài tập thực sự phát triển năng lực và gắn kết toán học với cuộc sống.

Vui học Toán 5 (tập một, tập hai)

- In 4 màu.
- Các bài tập được cấu trúc theo tuần bám sát với nội dung phân tuần của SGK Toán 5 (Chân trời sáng tạo).
- Thông qua các bài tập đa dạng, hợp lý và lời cuốn giúp HS cảm thấy thích thú khi học toán. Sách được trình bày đẹp, phù hợp với chuẩn kiến thức của trẻ lớp 5.

Kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 5

- Hỗ trợ GV thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Toán 5 (Chân trời sáng tạo).

5.3. Giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học

a) Hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử

Cùng với hệ thống sách học sinh, sách giáo viên, vở bài tập, Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm sách Toán 5, bộ sách Chân trời sáng tạo, gồm:

- Sách tham khảo bám sát khung năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Tài liệu dạy – học tham khảo.
- Hướng dẫn thiết kế kế hoạch bài dạy.
- Sách điện tử (ebook): SGK, kho tư liệu điện tử mở rộng dành cho GV, HS tham khảo, ...
- Kho phim (video clip) một số tiết dạy mẫu làm tài liệu hỗ trợ giảng dạy trên lớp, giúp các em HS thêm hứng thú học tập, khám phá kiến thức.

SGK Chân trời sáng tạo được hỗ trợ tối đa về học liệu. GV, phụ huynh và HS có thể tìm mua sách và các tài liệu dạy học môn Toán cho HS lớp 5 tại các cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. GV, phụ huynh và HS cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho tài liệu này được hướng dẫn cụ thể trên các trang điện tử (website):

taphuan.nxbgd.vn

hanhtrangso.nxbgd.vn

chantroisangtao.vn/mon-hoc/toan-5/.

b) Giới thiệu thiết bị dạy học

Bộ thực hành toán lớp 5: Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học.

Mục đích sử dụng: Dạy và học các chủ đề: Số và Phép tính, Hình học và Đo lường, Thống kê và Xác suất.

Mô tả thiết bị tương ứng với các chủ đề dạy học:

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học
A	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG			
I	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
1	Hình học	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học Toán.	01 chiếc thước thẳng dài tối thiểu 500 mm, độ chia nhỏ nhất là 1 mm, được làm bằng nhựa / gỗ hoặc vật liệu khác có độ cứng tương đương, không cong vênh, màu sắc tươi sáng, an toàn với người sử dụng. Vạch kẻ trên thước thẳng, màu chữ và kẻ vạch trên thước tương phản với màu thước để dễ đọc số.
B	THIẾT BỊ THEO CÁC CHỦ ĐỀ			
I	DỤNG CỤ			
1	SỐ VÀ PHÉP TÍNH			
2	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
2.1	Hình học	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học	GV sử dụng khi vẽ bảng trong dạy học hình học.	Gồm: a) 01 ê ke có kích thước các cạnh (300×400×500) mm; b) 01 chiếc compa dài 400 mm với đầu được thiết kế thuận lợi khi vẽ trên bảng bằng phấn, bút dạ, một đầu thuận lợi cho việc cố định trên mặt bảng; c) 01 thước đo góc đường kính 300 mm, có hai đường chia độ, khuyết ở giữa. <i>Vật liệu: Tất cả các thiết bị được làm bằng nhựa / gỗ hoặc vật liệu có độ cứng tương đương, không cong vênh, màu sắc tươi sáng, an toàn với người sử dụng.</i>
3	THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT			
3.1	Xác suất	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập	Gồm: a) 01 quân xúc xắc có độ dài cạnh là 20 mm; có 6 mặt, số chấm xuất hiện ở mỗi mặt là một trong các số 1; 2; 3; 4; 5; 6 (mặt 1 chấm; mặt 2 chấm; ...; mặt 6 chấm); b) 01 hộp nhựa trong để tung quân xúc xắc (kích thước phù hợp với quân xúc xắc);

			về khả năng xảy ra của một sự kiện (hay hiện tượng).	c) 02 đồng xu gồm một đồng xu to có đường kính 25 mm và một đồng xu nhỏ có đường kính 20 mm; độ dày 1 mm; làm bằng hợp kim (nhôm, đồng). Trên mỗi đồng xu, một mặt khắc nổi chữ N, mặt kia khắc nổi chữ S; d) 01 hộp bóng có 03 quả, trong đó có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng vàng, các quả bóng có kích thước và trọng lượng như nhau với đường kính 35 mm (giống quả bóng bàn).
II MÔ HÌNH				
1 SỐ VÀ PHÉP TÍNH				
1.1	Phân số	Bộ thiết bị hình học dạy phân số	GV sử dụng khi dạy học về phân số.	Gồm: a) 09 hình tròn đường kính 160 mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,5 mm màu sáng (trong đó có 5 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm; sơn màu đỏ 1/4 hình; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm, đường viền theo chu vi và đường kẻ chia (không tiếp xúc với phần sơn) là nét kẻ đứt rộng 1 mm, sơn đỏ 1/4; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm toàn bộ hình tròn sơn màu đỏ; 1 hình được chia thành 2 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm; sơn đỏ 1/2 hình; 1 hình được chia thành 6 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm, sơn đỏ 5/6 hình tròn); b) 02 hình tròn đường kính 160 mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,5 mm, chuyển động quay tương đối với nhau thông qua trục nối tâm có vòng đệm ở giữa; một hình trong suốt, một hình màu tối (mỗi hình: được chia thành 8 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ, sơn màu đỏ 1/2 hình tròn. Các đường bao, đường nối tâm, có chiều rộng 1 mm); c) 04 hình vuông có kích thước (160×160) mm, màu trắng (trong đó có 3 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm, bằng nét kẻ rộng 1 mm, 1/4 hình có màu xanh cô ban và 1 hình

				chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm, bằng nét kẻ rộng 1 mm, riêng phần không màu là nét kẻ đứt, 3/4 hình có màu xanh cô ban), độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,5 mm. (Ghi chú: Các hình có thể sử dụng từ tính để giáo viên đính lên bảng từ.)
1.2	Phân số	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số	Giúp HS khám phá, hình thành, thực hành, luyện tập về phân số.	Gồm: a) 09 hình tròn đường kính $\Phi 40$ mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2 mm màu sáng (trong đó có 5 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm; sơn màu đỏ 1/4 hình; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm, đường viền theo chu vi và đường kẻ chia (không tiếp xúc với phần sơn) là nét kẻ đứt rộng 1 mm, sơn đỏ 1/4; 1 hình được chia thành 4 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm toàn bộ hình tròn sơn màu đỏ; 1 hình được chia thành 2 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm; sơn đỏ 1/2 hình; 1 hình được chia thành 6 phần đều nhau qua tâm bằng nét kẻ rộng 1 mm, sơn đỏ 5/6 hình tròn; b) 04 hình vuông có kích thước (40×40) mm, màu trắng (trong đó có 3 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm, bằng nét kẻ rộng 1 mm, 1/4 hình có màu xanh cô ban và 1 hình chia thành 4 hình vuông nhỏ đều nhau qua tâm, bằng nét kẻ rộng 1 mm, riêng phần không màu là nét kẻ đứt, 3/4 hình có màu xanh cô ban), độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2 mm.
2 HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG				
2.1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	– Giúp GV dạy hình phẳng và hình khối.	Gồm: a) 02 hình thang bằng nhau, kích thước đáy lớn 280 mm, đáy nhỏ 200 mm, chiều cao 150 mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2 mm, màu đỏ, đường cao màu trắng (trong đó có 1 hình giữ nguyên; 1 hình cắt ra 2 phần ghép lại được hình tam giác);

		– Giúp HS thực hành nhận dạng hình phẳng và hình khối, lắp ghép xếp hình.	b) 02 hình tam giác bằng nhau, kích thước cạnh đáy 250 mm, cạnh xiên 220 mm, cao 150 mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2 mm, màu xanh cô ban (trong đó có 1 hình tam giác giữ nguyên, có đường cao màu đen; 1 hình cắt thành 2 tam giác theo đường cao để ghép với hình trên được hình chữ nhật); c) 02 hình thang bằng nhau, kích thước 2 đáy 80 mm và 50 mm, chiều cao 40 mm, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2 mm, màu đỏ, kẻ đường cao (trong đó có 1 hình thang nguyên; 1 hình thang cắt ra 2 phần ghép lại được hình tam giác); d) 02 hình tam giác bằng nhau, kích thước đáy 80 mm, cao 40 mm, 1 góc 60°, độ dày của vật liệu tối thiểu là 1,2 mm, màu xanh cô ban (trong đó có 1 hình tam giác nguyên, có kẻ đường cao; 1 hình tam giác cắt theo đường cao thành 2 tam giác để ghép với hình trên được hình chữ nhật (80×40) mm); e) 01 hình hộp chữ nhật kích thước (200×160×100) mm, 4 mặt xung quanh màu trắng, 2 đáy màu đỏ, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2 mm, các mặt liên kết với nhau bằng màng PET 0,05 mm, có thể mở ra thành hình khai triển của hình hộp chữ nhật (gắn được trên bảng từ); g) 01 hình hộp chữ nhật biểu diễn cách tính thể tích, kích thước trong hộp (200×160×100) mm, trong suốt, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2 mm. Bên trong chứa 1 tấm đáy (200×160×10) mm và 1 cột (10×10×90) mm, sơn ô vuông (10×10) mm bằng hai màu trắng, đỏ; h) 01 hình lập phương cạnh 200 mm, 4 mặt xung quanh màu trắng, 2 mặt đáy màu đỏ, độ dày của vật liệu tối thiểu là 2 mm, các mặt liên kết với nhau bằng màng PET 0,05 mm, có thể mở ra thành hình khai triển của hình lập phương (gắn được trên bảng từ); i) 01 hình lập phương cạnh 100 mm biểu diễn thể tích 1 dm^3, trong suốt, bên trong chứa 1 tấm đáy có kích thước bằng (100×100×10) mm và 1 cột (10×10×90) mm, ô vuông (10×10) mm có hai màu xanh, trắng;
--	--	--	---

				k) 01 hình trụ làm bằng vật liệu trong suốt, độ dày tối thiểu là 2 mm, đáy có đường kính 100 mm, chiều cao 150 mm; l) 01 hình cầu làm bằng vật liệu màu đỏ trong suốt, độ dày tối thiểu là 3 mm, đường kính 200 mm; Giá đỡ có đường kính 90 mm, chiều cao 20 mm, độ dày tối thiểu là 2 mm. <i>Vật liệu: Tất cả các thiết bị được làm bằng nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), có màu sắc tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>
III	PHẦN MỀM			
1	Hình học và Đo lường	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố hình học.	Phần mềm toán học đảm bảo hỗ trợ GV vẽ hình trong dạy học các yếu tố hình học; Phải sử dụng phần mềm không vi phạm bản quyền.
2	Thống kê và Xác suất	Phần mềm toán học	Phần mềm toán học hỗ trợ GV giúp HS thực hành, luyện tập các yếu tố Thống kê và Xác suất.	Phần mềm toán học đảm bảo hỗ trợ GV vẽ bảng, biểu đồ; mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên trong dạy học các yếu tố Thống kê và Xác suất; Phải sử dụng phần mềm không vi phạm bản quyền.

Phần thứ hai:

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1.1. Kế hoạch bài dạy (trước đây còn gọi là bài soạn, giáo án) do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HS và GV trong quá trình dạy học một tiết học / bài học / chủ đề (sau đây gọi chung là bài học) nhằm giúp HS đạt được yêu cầu cần đạt. Kế hoạch bài dạy được GV thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HS, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện tổ chức dạy học.

1.2. GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của nhà trường; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; SGK, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: Yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học cần chuẩn bị, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu cần đạt của bài học: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng SGK, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HS, đặc điểm nhà trường, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

b) Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

c) Hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới, thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục và phù hợp với đối tượng HS.

– Hoạt động học tập của HS bao gồm hoạt động mở đầu (khởi động, kết nối); hình thành kiến thức mới (trải nghiệm, khám phá; phân tích, hình thành kiến thức mới); hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động vận dụng (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề trong đời sống thực tế). Các hoạt động học tập (kể cả hoạt động tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn)

của HS, tùy theo mục đích, tính chất của mỗi hoạt động, được tổ chức làm việc cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; đảm bảo mỗi HS được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập hay trải nghiệm thực tế.

– Hoạt động của GV: tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển; thực hiện nhận xét, đánh giá trong quá trình tổ chức dạy học để hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, đảm bảo sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục.

d) Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học sau: Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

1.3. GV thực hiện lưu trữ kế hoạch bài dạy theo hình thức phù hợp, khoa học và báo cáo tổ trưởng chuyên môn, hiệu trưởng nhà trường khi có yêu cầu; có thể sử dụng kế hoạch bài dạy xây dựng từ năm học trước để thực hiện bổ sung, điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, để tổ chức dạy học hiệu quả. Tổ trưởng chuyên môn quản lí kế hoạch bài dạy theo nguyên tắc giảm nhẹ áp lực hành chính; đảm bảo hình thức khoa học, thuận lợi, hiệu quả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí trên cơ sở đánh giá đúng thực chất và tôn trọng, động viên tinh thần đổi mới, sáng tạo của GV.

1.4. Khi tổ chức hoạt động dạy học (thực hiện Kế hoạch bài dạy), GV cần chú ý một số nội dung sau:

a) Chuyển giao nhiệm vụ học tập: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HS, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HS phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HS; đảm bảo cho tất cả HS tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

b) Tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập: khuyến khích HS hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HS và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp, hiệu quả, không “bỏ quên” HS nào.

c) Tổ chức cho HS trình bày kết quả và thảo luận: hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HS trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HS; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HS nhằm giúp HS có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập, chính xác hoá các kiến thức mà HS đã học được thông qua hoạt động.

1.5. Trong quá trình thực hiện, GV tham khảo khung kế hoạch bài dạy trong phần dưới đây để xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với tình hình thực tế, đặc trưng môn học, hoạt động giáo dục, thuận lợi trong quá trình thực hiện, đảm bảo khoa học, linh hoạt và hiệu quả.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục:; lớp:

Tên bài học:; số tiết:.....

Thời gian thực hiện: ngày ... tháng ... năm ... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HS thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HS hoạt động nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động Mở đầu: khởi động, kết nối.
- Hoạt động Hình thành kiến thức mới: trải nghiệm, khám phá, phân tích, hình thành kiến thức mới (*đối với bài hình thành kiến thức mới*).
- Hoạt động Luyện tập, thực hành.
- Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (*nếu có*).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (*nếu có*)

2. BÀI SOẠN MINH HOẠ

LÀM TRÒN SỐ THẬP PHÂN

(2 tiết – SGK Tập một, trang 57)

A. Yêu cầu cần đạt

- HS làm tròn được một số thập phân:
- + Đến hàng đơn vị (tới số tự nhiên gần nhất).
- + Đến hàng phần mười, hàng phần trăm (tới số thập phân có một hoặc hai chữ số ở phần thập phân).
- HS vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản.
- HS có cơ hội hình thành các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất trách nhiệm, nhân ái, chăm chỉ, yêu nước.

B. Đồ dùng dạy học

GV: Một số hình ảnh trong bài (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS
I. Khởi động	
Có thể dùng trò chơi chuyển tải các nội dung sau: – Xác định hàng của mỗi chữ số của một số. Ví dụ: Số 7,46 có: – Khi làm tròn số đến hàng chục, đến hàng trăm ta chú ý đến chữ số ở hàng nào? Ví dụ: Làm tròn số 78 đến hàng chục: Làm tròn số 149 đến hàng trăm: GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ lên.	• Chữ số 7 ở hàng đơn vị. • Chữ số 4 ở hàng phần mười. • Chữ số 6 ở hàng phần trăm. • Làm tròn số 78 đến hàng chục được số 80 (vì chữ số hàng đơn vị là 8). • Làm tròn số 149 đến hàng trăm được số 100 (vì chữ số hàng chục là 4). ... – HS tìm hiểu phần Khởi động.



HS quan sát, sắm vai, đọc các bóng nói theo thứ tự từ trái qua phải → Nhận biết vấn đề cần giải quyết: “Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị”.

→ GV giới thiệu bài.

II. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Làm tròn số thập phân

1. Làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị

Ví dụ 1:

– GV vẽ (hoặc treo) tia số lên bảng lớp
→ GV chỉ vào các vạch trên tia số từ 5,0 đến 6,0.

GV gợi ý, giúp HS nhận biết $5,0 = 5$ và $6,0 = 6$

→ GV xoá bớt chữ số 0 ở phần thập phân

→ GV: “5 và 6 là hai số tự nhiên”.

GV chỉ vào các vạch có số 5; 5,28; 5,74 và 6.

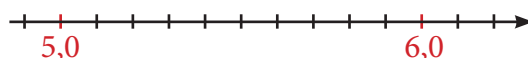
– GV đặt vấn đề: “Các em quan sát và cho biết các số 5,28 và 5,74 gần với số tự nhiên nào hơn?”

– GV chỉ tay vào tia số và giới thiệu: Khi làm tròn một số đến hàng đơn vị, ta được số tự nhiên gần số đó hơn.

– GV viết thêm số 5,5 vào tia số, chỉ tay cho HS đọc và hỏi: “Số này gần với số tự nhiên nào hơn?”

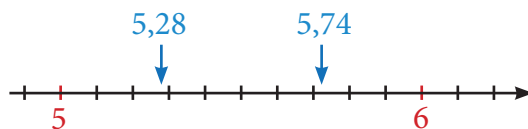
– HS **quan sát**

→ **Đọc** các số thập phân từ 5,0 đến 6,0 (theo tay GV chỉ)



HS nhận biết $5,0 = 5$ và $6,0 = 6$.

HS **đọc** lần 2, GV kết hợp viết thêm các số vào tia số.

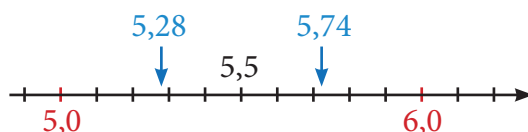


HS **đọc** lần 3: HS đọc theo tay GV chỉ (5; 5,28; 5,74; 6).

5,28 gần số 5 hơn.

5,74 gần số 6 hơn.

– HS **đọc**.



HS: Ở chính giữa hai số 5 và 6, không gần số nào hơn.

Khi làm tròn một số đến hàng đơn vị, ta được số tự nhiên gần số đó hơn.

Riêng các số có chữ số ở hàng phần mười là 5, theo quy ước → Làm tròn thành số lớn.

– GV: Khi thực hành (không phải lúc nào cũng có tia số), ta làm như thế nào?

– Khi **làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị**: Ta quan sát chữ số hàng nào? Làm gì?

Ví dụ 2:

GV đọc từng số

→ GV gọi vài HS giải thích.

2. Làm tròn số thập phân đến hàng phần mười, đến hàng phần trăm

Ví dụ 3:

– Tương tự với làm tròn số đến hàng đơn vị.

– Khi **làm tròn số đến hàng phần mười**: Ta quan sát chữ số hàng nào? Làm gì?

HS (nhóm bốn) tìm hiểu nội dung SGK, thảo luận và trình bày theo hướng dẫn của GV.

– Khi **làm tròn số thập phân đến hàng đơn vị**: Ta quan sát chữ số **hàng phần mười**.

• Nếu chữ số hàng phần mười là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng đơn vị giữ nguyên

→ Xoá bỏ phần thập phân → Số thập phân trở thành số tự nhiên.

• Nếu chữ số hàng phần mười là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng đơn vị cộng thêm 1

→ Xoá bỏ phần thập phân → Số thập phân trở thành số tự nhiên.

HS làm tròn rồi viết kết quả vào bảng con.

HS giải thích.

Ví dụ: Làm tròn số 34,51 đến hàng đơn vị thì được số 35 (vì chữ số hàng phần mười là 5 nên chữ số hàng đơn vị thêm 1).

...

– HS **tự tìm hiểu và kết luận**.

– Khi **làm tròn số đến hàng phần mười**: Ta quan sát chữ số **hàng phần trăm**.

• Nếu chữ số hàng phần trăm là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng phần mười giữ nguyên

→ Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó → Phần thập phân còn lại một chữ số ở hàng phần mười.

• Nếu chữ số hàng phần trăm là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng phần mười: cộng thêm 1

→ Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó → Phần thập phân còn lại một chữ số ở hàng phần mười.

Ví dụ 4:

- Thực hiện tương tự Ví dụ 3.
 - Khi **làm tròn số đến hàng phần trăm**: Ta quan sát chữ số hàng nào? Làm gì?
- Lưu ý:* GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép để tổ chức cho HS hiểu đồng thời Ví dụ 3 và Ví dụ 4.

Ví dụ 5: Các ví dụ tổng hợp:

- GV đọc từng số.
- Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích.

Lưu ý: GV lưu ý HS khi làm tròn số đến hàng nào thì quan sát chữ số ở hàng liền sau, bên phải hàng đó.

- HS **tự tìm hiểu và kết luận**.

– Khi **làm tròn số đến hàng phần trăm**: Ta quan sát chữ số **hàng phần nghìn**.

- Nếu chữ số hàng phần nghìn là 0; 1; 2; 3; 4: Chữ số hàng phần trăm giữ nguyên
→ Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó → Phần thập phân còn lại hai chữ số ở hàng phần mười và hàng phần trăm.
- Nếu chữ số hàng phần nghìn là 5; 6; 7; 8; 9: Chữ số hàng phần trăm: cộng thêm 1.
→ Xoá bỏ các chữ số phần thập phân sau đó → Phần thập phân còn lại hai chữ số ở hàng phần mười và hàng phần trăm.

- HS làm tròn rồi viết kết quả vào bảng con.
- HS **giải thích**.

Ví dụ:

Làm tròn số 27,645 đến hàng phần mười thì được số 27,6 (Vì chữ số hàng phần trăm là 4 → Giữ nguyên chữ số hàng phần mười và xoá bỏ các chữ số hàng phần trăm, hàng phần nghìn).

...

III. Luyện tập – Thực hành*Thực hành***Bài 1:**

- Sửa bài, GV khuyến khích HS **nói** cách làm.

Bài 2 và Bài 3:

- Tiến hành tương tự Bài 1.

Lưu ý: GV có thể vận dụng phương pháp nhóm các mảnh ghép để tổ chức cho HS thực hiện đồng thời Bài 2 và Bài 3.

- HS **thảo luận** nhóm đôi, **nhận biết** kết quả và tập nói thành thạo theo SGK.
- HS **nói** cách làm (Nhìn vào chữ số nào, giữ nguyên hay cộng 1, tại sao?)

Bài 2:

– Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em xác định số thập phân có hai chữ số là số thập phân gồm 1 chữ số ở phần nguyên và 1 chữ số ở phần thập phân.

– Sửa bài:

– HS (nhóm đôi) **đọc** yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi **thảo luận**

→ Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị thì được 9

→ Nếu chữ số ở phần nguyên là 8 thì chữ số ở phần thập phân chỉ có thể là một trong các chữ số từ 5 đến 9;

Nếu chữ số ở phần nguyên là 9 thì chữ số ở phần thập phân chỉ có thể là một trong các chữ số từ 0 đến 4.

– HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ**.

– HS đọc số và giải thích tại sao chọn số đó.

→ Các số thập phân cần tìm là những số sau: 8,5; 8,6; 8,7; 8,8; 8,9;

9,0; 9,1; 9,2; 9,3; 9,4.

...

III. Vận dụng – Trải nghiệm

Bài 3:

– Sửa bài, GV có thể cho HS **đọc** từng câu, cả lớp **đưa** bảng đáp án, **giải thích** tại sao chọn đáp án đó.

– Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS **giải thích**.

– HS **xác định** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân.

– HS **đọc** từng câu, cả lớp **đưa** bảng đáp án, giải thích tại sao chọn đáp án đó.

a) A b) D

Ví dụ:

a) Làm tròn số 8,25 đến hàng đơn vị thì được số 8 (vì chữ số hàng phần mười là 2, nên chữ số hàng đơn vị giữ nguyên và bỏ phần thập phân).

b) “con cá đó nặng khoảng ...”

→ Khối lượng con cá được làm tròn

→ Các ý trả lời đều là số tự nhiên

→ Số đo được làm tròn đến hàng đơn vị

→ Quan sát chữ số hàng nào.

...

Bài 4:

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS **đọc** yêu cầu.

– HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm: Làm tròn các số thập phân đến hàng đơn vị; Số thập phân lớn nhất có hai chữ số.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói tại sao lại chọn số đó.	– HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm. – HS nói tại sao lại chọn số đó. Đáp án: 5,4. Ví dụ: Sau khi làm tròn được 5 kg, số ban đầu có dạng 4 , . hoặc 5 , . → 4,5; 4,6; 4,7; 4,8; 4,9; 5,0; 5,1; 5,2; 5,3; 5,4 Trong các số trên, số lớn nhất là 5,4. ...
Đặt nước em – GV cho HS đọc yêu cầu. – Sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp sức, điền số vào bảng thống kê → GV giúp HS hệ thống lại cách làm tròn số. – Có thể cho HS tìm vị trí một vài tỉnh trong bảng trên bản đồ.	– HS đọc yêu cầu. – HS thảo luận (nhóm bốn) tìm hiểu bài, tìm cách làm: a) Làm tròn số đến hàng đơn vị; b) Làm tròn số đến hàng nghìn. – HS thảo luận và làm bài. – HS làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm. – HS chơi tiếp sức, điền số vào bảng thống kê.

D. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có)

[illegible]

TỈ SỐ CỦA SỐ LẦN LẶP LẠI MỘT SỰ KIỆN SO VỚI TỔNG SỐ LẦN THỰC HIỆN

(2 tiết – SGK Tập một, trang 20)

A. Yêu cầu cần đạt

– HS sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản.

– Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản của thực tiễn.

– HS có cơ hội để phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán và các phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

B. Đồ dùng dạy học

GV: 1 con xúc xắc, hình vẽ các bảng biểu theo nội dung bài Luyện tập 2 (nếu cần).

HS: 1 con xúc xắc, 1 cục áo nhỏ.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

TIẾT 1

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS								
I. Khởi động									
Trò chơi “Tập tầm vông”. – GV dạy HS bài đồng dao, nói luật chơi, tổ chức cho HS chơi theo nhóm đôi.	– HS chơi theo nhóm đôi. – Chơi 5 lần. Một bạn đóng vai người đổ, một bạn đóng vai người đoán. – Khi chơi, HS ghi nhận lại kết quả số lần đoán đúng. Ví dụ: Sau 5 lần chơi, các bạn ghi nhận lại kết quả như sau:								
	<table><tr><th>Tên</th><th>Số lần đoán đúng</th><th>Số lần</th></tr><tr><td>Minh</td><td> </td><td>3</td></tr></table>			Tên	Số lần đoán đúng	Số lần	Minh		3
	Tên	Số lần đoán đúng	Số lần						
Minh		3							
Sau khi chơi, GV giúp HS nhận biết: HS nhận biết: Trong 5 lần chơi, có 3 lần Minh đoán đúng, ta nói tỉ số của số lần đoán đúng và tổng số lần đoán là $\frac{3}{5}$.									

GV đặt vấn đề: Trong 5 lần chơi, có mấy lần Minh đoán sai? Tỷ số của số lần đoán sai và tổng số lần đoán là bao nhiêu? → Giới thiệu bài.	
II. Khám phá hình thành kiến thức mới: Tỷ số của số lần lặp lại một sự kiện so với tổng số lần thực hiện	
– GV nêu tình huống, trình chiếu (hoặc treo bảng). – GV đặt vấn đề: • Khi ném vòng về phía cây cọc, có mấy sự kiện có thể xảy ra? • Các bạn ném vòng mấy lần? Mấy lần ném trúng đích? • Tính tỷ số của số vòng trúng đích và tổng số vòng đã ném. – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích. – GV kết luận: • Khi ném vòng về phía cây cọc, hai sự kiện có thể xảy ra là: vòng trúng đích hoặc vòng không trúng đích. • Sau khi ném nhiều lần, ta tính được tỷ số của số lần lặp lại của một sự kiện và tổng số lần thực hiện. Ví dụ: Tỷ số của số vòng trúng đích và tổng số vòng đã ném là $\frac{3}{10}$.	– HS quan sát. – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn. – HS giải thích.
III. Luyện tập – Thực hành	
<i>Thực hành</i> Bài 1: – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách tính.	– Tìm hiểu bài, nhận biết: • Có 26 trận đấu. • Thắng 15 trận, hoà 8 trận, thua 3 trận. – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn. – HS giải thích cách tính.

TIẾT 2

HOẠT ĐỘNG GV	HOẠT ĐỘNG HS
I. Khởi động	
– Trò chơi “Oẳn tù tì”.	HS chơi nhóm đôi. Chơi 10 lần. Mỗi lần thắng ghi một gạch vào bảng con (hay vở nháp). Sau 10 lần chơi, tổng kết viết tỉ số của số lần thắng với số lần chơi.
II. Luyện tập – Thực hành	
<i>Luyện tập</i> Bài 1: – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách tính. <i>Mở rộng:</i> Có biết được số lần Nam thua không? Vì sao? Viết tỉ số của số lần Nam thua và tổng số lần chơi. Bài 2: – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách tính.	– HS tìm hiểu bài, nhận biết: • Chơi 20 lần; • Nam thắng 12 lần. – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn. – HS giải thích cách tính. – HS xem SGK, đọc đề bài, xác định yêu cầu của bài: Đọc bảng thống kê rồi trả lời câu hỏi. – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn. – HS giải thích cách tính. a) An đã tung đồng xu tất cả 65 lần. b) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt sấp xuất hiện và tổng số lần tung là: $\frac{29}{65}$. c) Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt ngửa xuất hiện và tổng số lần tung là: $\frac{36}{65}$.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập TRẦN QUANG VINH

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN TOÁN LỚP 5 – BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: